TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37/2021/QĐST-DS	*Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" ngày 30 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần T T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số *** Bạch Đằng, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần T T: Ông Phạm V T, sinh năm 1961; Trú tại: N-LK**-** Dọc Bún *, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B N, sinh năm 1976

HKTT: Số **D, ngách **/* Đào Tấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Phòng **** R*A Royal City, ** Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định số tiền gốc bà Nguyễn Thị B N còn nợ ông Trần T T là 814.000.000đ (Tám trăm mười bốn triệu đồng) và tiền nợ lãi là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng).

- Lộ trình trả nợ như sau:

+ Chậm nhất ngày 30/7/2021, bà Nguyễn Thị B N thanh toán số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) cho ông Trần T T trừ vào nợ gốc.

+ Chậm nhất ngày 30/8/2021, bà Nguyễn Thị B N thanh toán số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) cho ông Trần T T trừ vào nợ gốc.

+ Chậm nhất ngày 30/9/2021, bà Nguyễn Thị B N thanh toán số tiền 153.000.000 (Một trăm năm mươi ba triệu đồng) cho ông Trần T T trừ vào nợ gốc.

+ Chậm nhất ngày 30/10/2021, bà Nguyễn Thị B N thanh toán số tiền 153.000.000 (Một trăm năm mươi ba triệu đồng) cho ông Trần T T trừ vào nợ gốc.

+ Chậm nhất ngày 30/11/2021, bà Nguyễn Thị B N thanh toán số tiền 153.000.000 (Một trăm năm mươi ba triệu đồng) cho ông Trần T T trừ vào nợ gốc.

+ Chậm nhất ngày 30/12/2021, bà Nguyễn Thị B N thanh toán số tiền 155.000.000 (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng) cho ông Trần T T trừ vào nợ gốc.

+ Chậm nhất ngày 30/04/2022, bà Nguyễn Thị B N thanh toán số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu đồng) cho ông Trần T T trừ vào nợ lãi.

+ Chậm nhất ngày 30/05/2022, bà Nguyễn Thị B N thanh toán số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu đồng) cho ông Trần T T trừ vào nợ lãi.

+ Chậm nhất ngày 30/06/2022, bà Nguyễn Thị B N thanh toán số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu đồng) cho ông Trần T T trừ vào nợ lãi.

Miễn toàn bộ số tiền gốc, lãi còn lại cho bà Nguyễn Thị B N.

* Trong trường hợp bà Nguyễn Thị B N vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào, ông Trần T T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán với lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày đến hạn thanh toán đến khi thanh toán hết nợ gốc.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành, phía bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo quy định của pháp luật đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Khoản nợ lãi không phải trả lãi cho đến khi thi hành án xong.

- Về án phí: Bị đơn chịu toàn bộ án phí hòa giải thành theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B N phải chịu 20.900.000 đồng *(Hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả ông Trần T T số tiền 18.200.000đ (*Mười tám triệu hai trăm nghìn đồng*) tiền tạm tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001215 ngày 30/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01.01.2017 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu Hường

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).